

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN HÀNH VĂN
BẢN

Mẫu số HQ 04-BTH-TT

Số:/BK-CQBHVB

BẢN TỔNG HỢP

TIỀN THUẾ TRÍCH TỪ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI CHUYỂN NỘP NSNN

(Sử dụng cho các doanh nghiệp chuyển phát nhanh nộp tiền trước vào tài khoản tiền gửi của hải quan)

Ngày//

Mã số thuế:

.....

DVT: VN đồng

STT	NỘI DUNG SỐ TỜ KHAI	NGÀY TỜ KHAI	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ TIỀN ĐÃ SỬ DỤNG THEO SẮC THUẾ							SỐ DƯ CUỐI KỲ
				TỔNG SỐ	XK	NK	TTĐB	GTGT	BVMT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 5.1-5.n)	(5.1)	(5.2)	(5.3)	(5.4)	(5.5)	(5.n)	(6 = 4-5)
1	SỐ DƯ ĐẦU KỲ										
2	Tờ khai 1										
3	Tờ khai 2										
4											
5											
...											
....											
	Cộng										

NGƯỜI LẬP BẢN KÊ
(Ký, xác nhận)

TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TRỊ GIÁ HÀNG (Thông báo kết quả phân luồng)

Số tờ khai

Phân loại cá nhân/tổ chức [X]

Mã phân loại kiểm tra

XX Z

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

Mã bộ phận xử lý tờ khai

XX

Ngày đăng ký

dd/MM/yyyy hh:mm:ss

Ngày thay đổi đăng ký

dd/MM/yyyy hh:mm:ss

Người nhập khẩu

Mã

Tên

Mã bưu chính

Địa chỉ

Điện thoại

Người xuất khẩu

Mã

Tên

Mã bưu chính

Địa chỉ

Mã nước

Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số House AWB

Số Master AWB

Cảng dỡ hàng

Địa điểm xếp hàng

Tên máy bay chờ hàng

Ngày hàng đến

Số lượng

Tổng trọng lượng hàng (Gross)

Địa điểm lưu kho

Tỷ giá tính thuế

Trị giá hóa đơn

Phí vận chuyển

Phí bảo hiểm

Mô tả hàng hóa

Trị giá tính thuế

Phần ghi chú

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu trị giá thấp (thông quan)

[illegible]

Địa lý Hải quan XXXX2 XXXXXXXXXX1 XXXXXXXXXX2 XXXXXXXXXX2 XXXXXXXXXX4 XXXXXXXXXX Mã nhân viên Hải quan XXXXX

Tỷ giá tính thuế	XXE - 123.456.789
	XXE - 123.456.789
	XXE - 123.456.789
Trị giá hóa đơn	X - XXE - XXE - 12.345.678.901.234.567.890
Phí vận chuyển	X - XXE - 123.456.789.012.345.678
Phí bảo hiểm	X - XXE - 1.234.567.890.123.456

Tên trưởng đơn vị Hải quan	XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX
Ngày cấp phép nhập khẩu	dd/MM/yyyy hh:mm:ss
Ngày hoàn thành kiểm tra	dd/MM/yyyy hh:mm:ss
Thêm tra sau thông quan	XX

<AIR/EXP>

Tờ khai hàng hóa xuất khẩu trị giá thấp (thông báo kết quả phân luồng)

56 of 104 INFORMATIONAL M2 of the 104 104

Số tờ khai	XXXXXXXXXX	Mã phân loại kiểm tra	XX
------------	------------	-----------------------	----

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai: XXXXXXXXXX

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai: XXXXXXXXXX Mã bộ phận xử lý tờ khai: XE

Ngày đăng ký dd/MM/yyyy hh:mm:ss

Ngày đăng ký dd/MM/YYYY hh:mm:ss Ngày thay đổi đăng ký dd/MM/YYYY hh:mm:ss

1. **Наименование изделия**

Ngundhi sasilahé ichéru
M3 XXXXXXXX1-XXX

[illegible]

Mã bưu chính XXXXXE

[illegible]Điện thoại: **XXXXXXXXXXXXXXX**

Người nhập khẩu

Người nhập khẩu: **Mỹ** **XXXXXXXX-XXE**

Ten XXXXXXXXXX1XXXXXXXXXX2XXXXXXXXXX2XXXXXXXXXX4XXXXXXXXXX5XXXXXXXXXX6XXXXXXXXXX

Mã bưu chính **XXXXXXXX**

04a ch1 XXXXXXXX1 XXXXXXXXXX2 XXXXXXXXXX3 XXXXXXX XXXXXXXXXX1 XXXXXXXXXX2 XXXXXXXXXX3 XXXXXXX

~~XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX~~ : ~~XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX~~

Mã nước: VN

Bộ lý Hải quan XXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX XXXXXXXXXXXXXXXXXX **Mô nhân viên Hải quan XXXXX**

55 House AWB ~~XXX-XXXXXXXXXXXX~~

Đĩa mềm kích thước 3.5 inch XXXL XXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXXX

[illegible]

55 lượng	122.456 Gói	Tổng trung bình hàng (năm)	12.245.678 m ²
----------	-------------	----------------------------	---------------------------

Số lượng	122.456 Gói	Tổng trọng lượng hàng (Gross)	12.245.670 KGM
----------	-------------	-------------------------------	----------------

[illegible]

Tỷ giá tính thuế	XXE - 123.456.789	Tổng trị giá tính thuế	XXE - 12 045 578 901 324 567 890
------------------	-------------------	------------------------	----------------------------------

Tỷ giá tính thuế	XXE - 122.456.759	Tổng trị giá tính thuế	XXE - 12.945.678.901.234.567.890
------------------	-------------------	------------------------	----------------------------------

Mã tài hàng hóa

Số tài liệu báo VND 12.345.678 - [X]

[illegible]

Quản lý trong nội bộ doanh nghiệp

[illegible]

